TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2026
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;

2. Bà Phạm Thị Anh Thư.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 430/2026TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; nơi thường trú: Tổ B, khu phố D, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, thôn M, xã H, tỉnh Lâm Đồng, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

- *Bị đơn*: Ông Trần P, sinh năm 1989; nơi thường trú: 08.01 (Số cũ: A.08.01), Block A, Bcons G, B đường P, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần P1 có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 05 năm thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98/2015, quyển số 01/2015, ngày 25/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tính không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải nhau, khiến cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng gây mệt mỏi cho nhau. Ông P thường đi làm ăn xa, không về nhà, không phụ giúp bà T trong vấn đề chăm sóc con cái cũng như phát triển kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân 04 năm nay, sau khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn ông Trần P.

Con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 01 con chung tên Trần Thùy D, sinh ngày 02/01/2018. Hiện nay con đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Trần P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P thống nhất với bà T về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tính không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải nhau, khiến cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng gây mệt mỏi cho nhau. Vợ chồng đã sống ly thân 04 năm nay, sau khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay ông P xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thùy D, sinh ngày 02/01/2018. Hiện nay con đang sống chung với bà T. Nay ông đồng ý để cho bà T trực tiếp nuôi con và ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành

đúng pháp luật về tố tụng dân sự, không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần P về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Trần P có địa chỉ tại 08.01 (Số cũ: A.08.01), Block A, Bcons G, B đường P, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần P là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2015, quyển số 01/2015, ngày 25/12/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Bà Nguyễn Thị T và ông Trần P thống nhất trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẻ, đồng cảm với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Trần P. Ông Trần P đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Việc bà Nguyễn Thị T và ông Trần P sống ly thân và không mong muốn hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Trần P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Thùy D, sinh ngày 02/01/2018. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được trực tiếp

nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Trần P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Trong thời gian trước đây và hiện nay con chung vẫn do bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt, ông Trần P cũng thống nhất để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của bà Nguyễn Thị T là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thùy D, sinh ngày 02/01/2018.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần P.

Về con chung: Buộc ông Trần P giao người con chung tên Trần Thùy D, sinh ngày 02/01/2018 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông Trần P phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị T và ông Trần P có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông Trần P lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Nguyễn Thị T nuôi con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông P theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0026893 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp . HCM;
- VKSND KV16, Tp . HCM;
- Phòng THADS KV16;
- UBND xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng